

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường nông-lâm nghiệp.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **PHAN TRƯỜNG KHANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 30/12/1977; Nam; ☒ Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 46, Phan Đăng Lưu, khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ Phước, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

6. Địa chỉ liên hệ: Số 46, đường Phan Đăng Lưu, khóm Đông Thịnh 6, phường Mỹ Phước, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại di động: 0918440275; E-mail: ptkhanh@agu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 2008 đến 2013: Giảng viên, Trường Đại học An Giang.

- Từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 01 năm 2018: Đi học tiếng Anh và làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sri Jayewardenepura, Sri Lanka.

- Từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 03 năm 2020: Trưởng Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kỹ thuật-Công nghệ-Môi trường, Trường Đại học An Giang.

- Từ tháng 04 năm 2018 đến tháng 08 năm 2019: Trợ lý NCKH và Quan hệ đối ngoại, Khoa Kỹ thuật-Công nghệ-Môi trường, Trường Đại học An Giang.

- Từ tháng 04 năm 2018 đến tháng 10 năm 2022: Chủ tịch Công đoàn bộ phận 12, Khoa Kỹ thuật-Công nghệ-Môi trường, Trường Đại học An Giang.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 09 năm 2018 đến tháng 03 năm 2023: Phó Bí thư Chi bộ 12, Khoa Kỹ thuật-Công nghệ-Môi trường, Trường Đại học An Giang.
- Từ tháng 11 năm 2018 đến nay: Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kỹ thuật-Công nghệ-Môi trường, Trường Đại học An Giang.
- Từ tháng 09 năm 2021 đến tháng 06 năm 2022: Học cao cấp Lý luận chính trị tập trung tại Học viện chính trị Khu vực II, TP.HCM.
- Từ tháng 03 năm 2020 đến nay: Phó Trưởng Khoa, Khoa Kỹ thuật-Công nghệ-Môi trường, Trường Đại học An Giang.
- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học An Giang- ĐHQG-HCM.
- Địa chỉ cơ quan: 18 Ung Văn Khiêm, phường Mỹ Xuyên, Tp. Long Xuyên, An Giang.
- Điện thoại cơ quan: 02966256565
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học : không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

Được cấp bằng đại học ngày 20 tháng 09 năm 2002; Số văn bằng: B 408717; Ngành: Môi trường; Chuyên ngành: Quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

Được cấp bằng thạc sĩ ngày 14 tháng 01 năm 2008; số văn bằng: N⁰A: 041801; Ngành: Môi trường; Chuyên ngành: Khoa học Môi trường; Nơi cấp bằng thạc sĩ: Trường Đại học Cần Thơ và Trường Đại học Aarhus-Đan Mạch.

Được cấp bằng tiến sĩ ngày 02 tháng 01 năm 2018; Số văn bằng:.....; ngành: Môi trường; Chuyên ngành: Khoa học Môi trường; Nơi cấp bằng tiến sĩ: Trường Đại học Sri Jayewardenepura, SriLanka.

Được cấp bằng TSKH ngàytháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp-Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Hướng nghiên cứu 1:* Ứng dụng GIS và viễn thám để lập bản đồ hệ sinh thái, đánh giá nhiệt đô thị và tính toán hấp thụ carbon.

- *Hướng nghiên cứu 2:* Ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp bền vững.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Hướng dẫn luận văn cao học:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đã hướng dẫn 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS.

+ Đã hướng dẫn 10 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

- Thực hiện đề tài:

+ Đã chủ nhiệm 01 đề tài nghiên cứu khoa học loại B cấp Đại học Quốc gia TP.HCM (tương đương cấp Bộ), đã được nghiệm thu với kết quả loại Khá. Đồng thời, đã hoàn thành nghiệm thu 01 đề tài cấp Trường (mã số: 21.02.CM) với vai trò chủ nhiệm; hiện đã chỉnh sửa theo góp ý Hội đồng và nộp lại Phòng Quản lý Khoa học, chờ quyết định nghiệm thu chính thức.

+ Tham gia với vai trò thành viên trong 01 đề tài loại A cấp Đại học Quốc gia TP.HCM (đã nghiệm thu) và là thành viên chính trong 01 đề tài loại C cấp Đại học Quốc gia TP.HCM (cũng đã nghiệm thu).

+ Hiện đang chủ nhiệm 01 đề tài nghiên cứu khoa học loại B cấp Đại học Quốc gia TP.HCM (mã số: B2024-16-04) đã triển khai từ năm 2024.

- Công bố xuất bản:

+ Đã công bố 33 bài báo khoa học, trong đó 05 bài báo xuất bản trên tạp chí quốc tế có uy tín (có chỉ số Scopus): 01 bài Q1; 01 bài Q2; 03 bài Q3. Trong đó 05 bài là tác giả chính (số TT: [9]; [12]; [15]; [28]; [29]).

+ Số lượng sách đã xuất bản: Đóng góp 07 chương sách quốc tế, trong đó có 4 chương sách có chỉ số Scopus (số TT: [6]; [7]; [8]; [9]).

15. Khen thưởng:

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2011-2012 và 2022-2023.

- Bằng khen của Giám đốc ĐHQG-HCM hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019 đến 2019-2020;

- Giấy khen thành tích trong hoạt động KHCN của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang các năm 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024.

- Giấy khen công bố khoa học trên các tạp chí uy tín 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024.

- Giấy khen vượt định mức NCKH trên 200 giờ năm 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024;

- Giấy khen Đoàn viên Công đoàn cơ sở Trường Đại học An Giang “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hoạt động Công đoàn, nhiệm kỳ 2018-2023”.

- Bằng khen của Bí thư tỉnh Ủy An Giang đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền năm 2019-2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Luôn gương mẫu trong việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật và chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy định của Nhà trường.

- Giữ gìn phẩm chất đạo đức tốt, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng; ứng xử nghiêm túc, chuẩn mực với đồng nghiệp, học viên và sinh viên;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Có lý lịch rõ ràng, đủ điều kiện về sức khỏe để đảm đương tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của lãnh đạo Nhà trường.

- Luôn chủ động học tập, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và phương pháp nghiên cứu khoa học; không ngừng đổi mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đại học trong bối cảnh hiện đại.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động của Khoa, bao gồm: công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng, tư vấn tuyển sinh, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Sau khi nghiên cứu các văn bản quy định hiện hành, bao gồm: Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận, bổ nhiệm và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT về chế độ làm việc của giảng viên; Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; cùng với các Quyết định số 2260/QĐ-ĐHAG ngày 17/11/2018, số 2320/QĐ-ĐHAG ngày 31/12/2021 và số 3079/QĐ-ĐHAG ngày 12/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang liên quan đến quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, tôi nhận thấy bản thân đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định. Vì vậy, tôi kính đề nghị được xem xét, tiến hành thủ tục công nhận chức danh Phó Giáo sư trong đợt xét năm 2025.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 07 tháng.

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				10	294	15	309/327,75/216
2	2019-2020				06	250	45	295/351,25/216
3	2020-2021			02	05	210	60	270/270/216
03 năm học cuối								
4	2022-2023			01	01	123	105	228/362,25/216
5	2023-2024			01		183	120	303/340,5/216
6	2024-2025				01	189	30	219/234/216

Ghi chú:

Theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Quyết định số 2260/QĐ-ĐHAG ngày 17/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang quy định: Định mức giờ chuẩn giảng dạy của Trường Đại học An Giang cho giảng viên là 270 giờ; Trường Bộ môn trực thuộc Khoa thực hiện 80% định mức (tương đương 216 giờ).

Theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Quyết định số 3079/QĐ-ĐHAG ngày 12/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Định mức giờ chuẩn giảng dạy của Trường Đại học An Giang cho giảng viên là 270 giờ; Phó
Trưởng Khoa thực hiện 80% định mức (tương đương 216 giờ).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học TS ☒; tại nước Sri Lanka; Từ tháng 2/2014 đến 01/2018.

- Bảo vệ luận án TS; tại nước: Sri Lanka, năm 2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Diploma Tiếng Anh; Chứng chỉ B2 Tiếng Anh
khung Châu Âu.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Văn Phúc		HVCH	x		03/2021 đến 10/2021	Trường Đại học An Giang	24/08/2022 1436/QĐ-ĐHAG
2	Trần Hưng Thịnh		HVCH	x		03/2021 đến 10/2021	Trường Đại học An Giang	24/08/2022 1436/QĐ-ĐHAG
3	Huỳnh Thị Cẩm Giang		HVCH	x		12/2020 đến 06/2021	Viện Môi trường và Tài nguyên, ĐHQG-HCM	18/11/2022 QH20201700198
4	Nguyễn Vi Thiên Vũ		HVCH	x		03/2021 đến 10/2021	Trường Đại học An Giang	27/07/2023 1622/QĐ-ĐHAG
5	Văng Thị Mai Hương		HVCH	x		04/2023 đến 10/2023	Trường Đại học An Giang	08/02/2025 257/QĐ-ĐHAG
6	Đinh Đăng Khoa		HVCH	x		04/2023 đến 10/2023	Trường Đại học An Giang	08/02/2025 257/QĐ-ĐHAG
7	Trần Văn Kim Danh		HVCH	x		04/2023 đến 10/2023	Trường Đại học An Giang	08/02/2025 257/QĐ-ĐHAG
8	Hồ Thị Mỹ Dung		HVCH	x		01/2024 đến 05/2024	Trường Đại học Bách Khoa, TP.HCM	11/04/2025 CH25-0005 QH99202300425

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

9	Nguyễn Phú Lộc		HVCH	x		01/2024 đến 05/2024	Trường Đại học Bách Khoa, TP.HCM	11/04/2025 CH25-0006 QH99202300427
10	La Cảnh Thịnh		HVCH	x		01/2024 đến 05/2024	Trường Đại học Bách Khoa, TP.HCM	11/04/2025 CH25-0010 QH99202300430

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Cơ sở Khoa học môi trường	Tài liệu giảng dạy áp dụng cho môn học	2012	01	X	Toàn sách	Có Quyết định nghiệm thu
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tài liệu giảng dạy áp dụng cho môn học	2013	02		Toàn sách	Có Quyết định nghiệm thu
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
3	Challenging Issues on Environment and Earth Science	TK	BP International, 2021	2	Viết 1 chương	Chapter 9: Estimation of Deposited Sediment Budgets on the Floodplain of An Giang Province, Vietnam. Page:106-117	ISBN: 978-93-91473-68-6 (eBook) https://doi.org/10.9734/bpi/ciees/v6/3085F
4	Mekong Delta Handbook	TK	Cuvillier Verlag Gottingen, 2021	2	Viết 1 chương	Chapter 8: Transboundary Issues- Water Governance. Page:163-182	www.cuvillier.de ISBN: 978-3-7369-7363-3 eISBN: 978-3-7369-6363-4
5	Mekong Delta Handbook	TK	Cuvillier Verlag Gottingen, 2021	2	Viết 1 chương	Chapter 10: Climate Change and Strategic Tasks. Page:199-220	www.cuvillier.de ISBN: 978-3-7369-7363-3 eISBN: 978-3-7369-6363-4

6	Handbook of Research on AI-Equipped IoT Applications in High-Tech Agriculture. (Indexed in: SCOPUS)	TK	IGI Global 2023	3	Viết 1 chương	Chapter 11: Smart Agriculture Using a Soil Monitoring System. Page:200-220	www.igi-global.com/book/advanced-technologies-equipped-iot-applications/318460#table-of-contents . ISBN13: 9781668492314, DOI: 10.4018/978-1-6684-9231-4
7	Handbook of Research on AI-Equipped IoT Applications in High-Tech Agriculture. (Indexed in: SCOPUS)	TK	IGI Global 2023	3	Viết 1 chương	Chapter 21: Future of Smart Agriculture Techniques and Applications. Page: 365-378	www.igi-global.com/book/advanced-technologies-equipped-iot-applications/318460#table-of-contents . ISBN13: 9781668492314, DOI: 10.4018/978-1-6684-9231-4.
8	Using Traditional Design Methods to Enhance AI-Driven Decision Making. (Indexed in: SCOPUS)	TK	IGI Global 2024	3	Viết 1 chương	Chapter 8: AI-Decision Support System: Engineering, Geology, Climate, and Socioeconomic Aspects' Implications on Machine Learning. Page: 181-202	https://www.igi-global.com/chapter/ai-decision-support-system/336698?camid=4v1 . DOI: 10.4018/979-8-3693-0639-0.ch008
9	Using Traditional Design Methods to Enhance AI-Driven Decision Making. (Indexed in: SCOPUS)	TK	IGI Global 2024	3	Viết 1 chương	Chapter 7: AI-Driven Solution Selection: Prediction of Water Quality Using Machine Learning. Page: 166-180	https://www.igi-global.com/chapter/ai-driven-decision-support-system-for-intuitionistic-fuzzy-assignment-problems/336707 DOI: 10.4018/979-8-3693-0639-0.ch007

Có 7 chương sách quốc tế được xuất bản, trong đó có 4 chương sách được xuất bản trong sách có chỉ số SCOPUS: số thứ tự là [6]; [7]; [8] và [9].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Đánh giá cân bằng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững cho đồng bằng ngập lũ tỉnh An Giang.	Chủ nhiệm	Đề tài B cấp ĐHQG-HCM (tương đương cấp Bộ) Mã số B2020_16_03	01/01/2020 đến 01/07/2022	Nghiệm thu ngày 04/01/2023 Kết quả: Khá Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Quốc gia. Số: B-16-1399/2023/KHCN
2	Nghiên cứu hiện tượng đảo nhiệt đô thị ở thành phố Long Xuyên và Châu Đốc bằng kỹ thuật GIS và viễn thám	Chủ nhiệm	Đề tài cấp Trường Mã số: 21.02.CM	Từ 11/2021 đến 7/2022	Nghiệm thu ngày 12/07/2024 Kết quả: Đạt (Chờ giấy QĐ).
3	Xây dựng công thức thấm trên ruộng lúa trong giai đoạn ngập nước cho vùng Tứ giác Long Xuyên	Thành viên chính	Đề tài C cấp ĐHQG-HCM Mã số C2021_16_10	01/02/2021 đến 01/08/2022	Quyết định nghiệm thu số: 183/QĐ-ĐHAG, ngày 02/02/2024 Kết quả: Đạt
4	Mô phỏng biến đổi địa hình đáy thủy vực và chuẩn đoán vùng nguy cơ sạt lở tỉnh An Giang	Thành viên	Đề tài A cấp ĐHQG-HCM Mã số: A2020-16-02	01/01/2020 đến 07/2022	Đã nghiệm thu 2024. Kết quả: Khá

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế).

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Identification of Vegetation Change of Lower U Minh National Park of Vietnam from 1975 to 2015	2	Tác giả chính	Journal of Tropical Forestry and Environment, ISSN: 2235-9362 https://doi.org/10.31357/jtfe.v7i2.3304			7(02): 10-20	2017
2	Modulation and Application of Chitosan to Absorb in Wastewater	4		Air and Water Components of the Environment, Romania, ISSN: 2067-743			325 - 332	2017
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
Hướng nghiên cứu 1: Ứng dụng GIS và viễn thám để phân tích, lập bản đồ hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, nhiệt đô thị và tính toán carbon.								
3	Estimating Above-Ground Biomass of the Mangrove Communities in the Muthurajawela Wetland, Sri Lanka	2	Tác giả chính	International Journal of Science and Research, ISSN: 2319-7064 https://www.ijsr.net/getabstract.php?paperid=ART20182039			7 (5): 86 - 93	2018
4	Identificaion of Vegetation Change of Muthurajawela Wetland in Sri Lanka from 1992 to 2015 by Using GIS Remote Sensing	2	Tác giả chính	International Journal of Computational Engineering Research, ISSN: 2250-3005 http://dr.lib.sjp.ac.lk/handle/123456789/8820			08(5): 42-52	2018

5	An Assessment of the Carbon Stocks of Melaleuca Forests in the Lower U Minh National Park in Ca Mau of Southern Vietnam	2	Tác giả chính	American Journal of Engineering Research, ISSN: 2320-0847 http://www.ajer.org/papers/Vol-7-issue-5/ZJ0705305315.pdf			7 (5): 305-315	2018
6	Estimating of Carbon Storage of Peatlands and Main Hazards Related to the Utilization and Management of Peatlands in Lower U Minh National Park, Ca Mau	2	Tác giả chính	The International Journal of Engineering and Science, ISSN: 2319-1813 DOI:10.9790/1813-0803022329 https://www.theijes.com/Vol8-Issue3.html https://www.theijes.com/papers/vol8-issue3/Series-2/C0803022329.pdf			8(3)/Series 2: 23-29	2019
7	Plant Species Diversity in the Melaleuca Forest Ecosystem of Lower U Minh National Park in Vietnam	2	Tác giả chính	The International Journal of Engineering and Science, ISSN: 2319-1813 DOI:10.9790/1813-0803026068 https://www.theijes.com/Vol8-Issue3.html https://www.theijes.com/papers/vol8-issue3/Series-2/H0803026068.pdf			8(3)/Series 2: 60-68	2019
8	An Evaluation of the carbon stocks of the Tra Su Cajuputi Forests in An Giang Province of Southern Vietnam	3	Tác giả chính	European Journal of Applied Sciences, ISSN:2054-7412 DOI: https://doi.org/10.14738/aivp.93.10145			9(3): 37–45.	2021

9	Application of remote sensing and GIS techniques in mapping of vegetation cover change in Gao Giong ecotourism area, Dong Thap province, Vietnam	3	Tác giả chính		Journal of Tianjin University Science and Technology, ISSN (Online): 0493-2137. Scopus: Q2 DOI: 10.17605/OSF.IO/52H7C. https://tianjinda.xuexuebao.com/KNavi/JournalDetail2.html	54(5): 1-11	2021
10	Functions and Values of Wetlands	2	Tác giả chính	Journal of Xi'an Shiyu University, Natural Sciences Edition ISSN: 1673-064X. DOI: 10.17605/OSF.IO/KTDQU https://xianshiyouda.xuexuebao.com/KNavi/JournalDetail1.html		66(05): 256-272	2023
11	Diễn biến đô thị hóa và nhiệt độ bề mặt ở thành phố Long Xuyên	4	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng Thủy văn 2024, doi:10.36335/VNJHM.2024(764).53-65 http://tapchikttv.vn/		764, 53-65	2024
12	CO ₂ and CH ₄ Gas Emissions from Peatlands in An Tuc and O Lam Under Agricultural Land Conversion.	3	Tác giả chính		International Journal of Environmental Sciences, ISSN: 2229-7359, Scopus: Q3 https://www.th.easped.com/ijes.php	11(6s), 2025, 939-947	2025
13	Integrating Sustainable	2	Tác giả chính	International Journal of Advance		12(2) (XII), 166-172	2025

	Development with Resource and Biodiversity Conservation in Vietnam			and Innovative Research. ISSN: 2394 - 7780				
Hướng nghiên cứu 2: Ứng dụng GIS, viễn thám và AI trong quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp bền vững.								
14	Water Demand Estimation for Rice in An Giang Province by Hargreaves Evapotranspiration Model.	2		Turkish Journal of Computer and Mathematics Education, ISSN: 1309-4653. https://www.turcomat.org/index.php/turkbilmat/article/view/4754			12(9): 3034-3039	2021
15	Estimation of Crop Water Demand for Rice by the FAO Penman Monteith Evapotranspiration Model.	2	Tác giả chính		Sarhad Journal of Agriculture, ISSN: 2224-5383. Scopus: Q3 DOI https://dx.doi.org/10.17582/journal.sja/2022.38.5.158.165		38(5): 158-165	2022
16	Irrigation Water Needs of Rice Crops with Empirical Method	2	Tác giả chính	Journal of Xi'an Shiyu University, Natural Sciences Edition ISSN: 1673-064X. DOI 10.17605/OSF.IO/PV62B https://xianshiyoudaxuexuebao.com/KNavi/JournalDetail1.html			66(05): 219-232	2023
17	Đánh giá các thay đổi dòng chảy trên dòng	3	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, 2022, ISSN: 2525 – 2208			738: 34-48	2022

	chính sông Mê Công và các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước vùng DBSCL.			DOI: 10.36335/VNJHM.2022(738).34-48				
18	Cân bằng nước và một số kiến nghị về định hướng phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh An Giang	2		Tạp chí Khí tượng Thủy văn, 2022, ISSN: 2525 – 2208 DOI: 10.36335/VNJHM.2022(740).74-87			740: 74-87	2022
19	Transboundary Issues of Water Governance in Mekong River Basin	2		The International Journal of Advanced Science and Technology, ISSN: 2005-4238. http://sersec.org/journals/index.php/IJAST/article/view/25460			29(8s): 4290-4305	2020
20	Application of Landsat 8 Image to Extract Waterline and Build the Relationship between Chlorophyll-a and NDVI Index for Bung Binh Thien Lake, Southern	3	Tác giả chính	The International Journal of Engineering and Science, ISSN:2319-1813 DOI:10.9790/1813-0904032028 https://www.theijes.com/Vol9-Issue4.html https://www.theijes.com/papers/vol9-issue4/Series-3/C0904032028.pdf			9(4)/Series 3: 20-28	2020
21	Đánh giá chất lượng nước Búng Bình Thiên bằng chỉ số WQI tích hợp với GIS và Viễn thám	3	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng Thủy văn 2023, ISSN: 2525 – 2208 DOI: 10.36335/VNJHM.2023(745).51-64			745:51-64	2023
22	Biofilm in Drinking Water Distribution System	2		Journal of Water Engineering. and Management.			4(1):15-29	2023

				ISSN 2582 6298 Vol. 4(1): 15-29. https://doi.org/10.47884/jweam.v4i1pp15-29 .				
23	The Relationship between Gender and Climate Change in Vietnam	3		Seybold Report. ISSN: 1533-9211. DOI 10.17605/OSF.IO/KJBPT https://seyboldreport.org/			18(05):938-949	2023
24	Communication On Climate Change in Vietnam	3		Seybold Report, ISSN: 1533-9211. DOI: 10.5281/zenodo.6655334 https://seyboldreport.org/			17(06): 474-485	2022
25	Aerobic Composting of Cow Dung with Rice Straw Biomass	2	Tác giả chính	American Journal of Engineering Research, ISSN: 2320-0847 https://www.ajer.org/volume9issu3.html https://www.ajer.org/papers/Vol-9-issue-3/ZZO0903334339.pdf			9(3): 334-339	2020
26	Ước tính nhu cầu nước và bùn thải cho các mô hình nuôi cá tra ở tỉnh An Giang	4	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng Thủy văn 2024, doi:10.36335/VNJHM.2024(762).38-46 http://tapchikttv.vn/			762, 38-46	2024
27	Ước tính nhu cầu nước cho cây đậu nành rau được trồng trên đất xám bạc màu ở Tri Tôn, An Giang	5	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khí tượng Thủy văn 2024, doi:10.36335/VNJHM.2024(765).47-59 http://tapchikttv.vn/			765, 47-59	2024

28	Soil Permeability of Sandy Loam and Clay Loam Soil in the Paddy Fields in An Giang Province in Vietnam	3	Tác giả chính		Environmental Challenges, ISSN: 2667-0100. Scopus: Q1 https://www.sciencedirect.com/journal/environmental-challenges			2024
29	Application of Artificial Intelligence in Rainy Season Water Level Analysis and Forecasting at Phu Loc Station, Vietnam.	2	Tác giả chính		International Journal of Environmental Sciences, ISSN: 2229-7359, Scopus: Q3 https://www.thcaspd.com/ijes.php		11(7s),2025, 752-760	2025
30	Technology-Driven Solutions for Climate-Resilient Agriculture in the Mekong Delta, Vietnam.	2	Tác giả chính	13 th International Congress on Engineering and Technology Management. 19-20 April 2025 Istanbul, Türkiye. E-ISBN: 978-625-6471-59-7. https://www.muhenlikveteknolojiyonekimikongresi.org/en/			350-361	2025
31	AI and Big Data Applications in Hydrology	2		13 th International Congress on Engineering and Technology Management. 19-20 April 2025 Istanbul, Türkiye. E-ISBN: 978-625-6471-59-7. https://www.muhenlikveteknolojiyonekimikongresi.org/en/			369-382	2025

32	Integrating Watershed Management and Spatial Planning for Sustainable Development	2		International Journal of Advance and Innovative Research. ISSN: 2394 - 7780			12 (2) (XII), 262-269	2025
33	Private Costs and Benefits of Improved Brick Kilns in An Giang Province, Vietnam	2	Tác giả chính	American Journal of Engineering Research, ISSN: 2320-0847 https://www.ajer.org/volume10issu5.html https://www.ajer.org/papers/Vol-10-issue-5/ZT1005385389.pdf			10(5): 385-389	2021

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 với số thứ tự là [9]; [12]; [15] [28]; [29].

(1) **Bài báo số 9: Phan Truong Khanh**, Le Thi Cam Tien & Tran Thi Hong Ngoc. (2021). Application of Remote Sensing and GIS Techniques in Mapping of Vegetation Cover Change in Gao Giong Ecotourism Area, Dong Thap province, Vietnam. *Journal of Tianjin University Science and Technology*, 54(5): 1-11. DOI: 10.17605/OSF.IO/52H7C.

<https://tianjindaxuexuebao.com/KNavi/JournalDetail2.html>. Scopus, Scimago (Q2), IF (0.22)

(2) **Bài báo số 12: Phan Truong Khanh***, Dinh Dang Khoa, Nguyen Duc Thang. (2025). CO₂ and CH₄ Gas Emissions from Peatlands in An Tuc and O Lam Under Agricultural Land Conversion. *International Journal of Environmental Sciences*, 11(6s),2025, 939-947. Scopus, Scimago (Q3, IF (0.166). <https://www.theaspd.com/ijes.php>.

(3) **Bài báo số 15: Phan Truong Khanh*** and Tran Thi Hong Ngoc. (2022). Estimation of Crop Water Demand for Rice by the FAO Penman Monteith Evapotranspiration Model. *Sarhad Journal of Agriculture*, 38(5): 158-165. DOI | <https://dx.doi.org/10.17582/journal.sja/2022.38.5.158.165> . Scopus, Scimago (Q3), IF (0.19).

(4) **Bài báo số 28: Phan Truong Khanh***, Tran Thi Hong Ngoc (2024). Soil Permeability of Sandy Loam and Clay Loam Soil in the Paddy Fields in An Giang Province in Vietnam. *Journal of Environmental Challenges*. DOI: <https://www.sciencedirect.com/journal/environmental-challenges>. Scopus, Scimago (Q1), IF (1.18)

(5) **Bài báo số 29: Phan Truong Khanh**, Tran Thi Hong Ngoc (2025). Application of Artificial Intelligence in Rainy Season Water Level Analysis and Forecasting at Phu Loc Station, Vietnam. *International Journal of Environmental Sciences*, 11(7s),2025, 752-760. Scopus, Scimago: Q3, IF (0.166). <https://www.theaspd.com/ijes.php>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao).

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường bậc đại học	Tổ trưởng Tổ rà soát và điều chỉnh Chương trình độ đại học.	398/QĐ-ĐHAG ngày 30/03/2020	Trường ĐH An Giang		

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường bậc đại học	Phó Chủ tịch Hội đồng Thẩm định tự đánh giá chương trình đào tạo.	1574/KH-ĐHAG Ngày 19/12/2022	Trường ĐH An Giang		
3	Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường; ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hóa học bậc đại học.	Tổ trưởng tổ rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo.	806/QĐ-ĐHAG ngày 19/05/2022	Trường ĐH An Giang		
4	Sổ tay đảm bảo chất lượng 2020-2025	Ủy viên Ban chỉ đạo	1081/QĐ-ĐHAG ngày 07/05/2021 -- 335/QĐ-ĐHAG ngày 06/03/2023 --- 312/QĐ-ĐHAG ngày 28/02/2024 312/QĐ-ĐHAG ngày 28/02/2025	Trường ĐH An Giang		
5	Xây dựng Bộ năng lực cốt lõi sinh viên tốt nghiệp ĐHQG-HCM theo lĩnh vực Môi trường và Bảo vệ môi trường.	Tham gia	1211/QĐ-ĐHQG ngày 30/08/2022	Đại học quốc gia TP.HCM		
6	Nhóm chuyên trách soạn thảo các nhóm chiến lược trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045 của Trường ĐHAG.	Thành viên	2267/QĐ-ĐHAG ngày 24/09/2024	Trường ĐH An Giang		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được cấp bằng Tiến sĩ.

Đã nhận bằng Tiến sĩ đến nay là 7 năm

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo 15 năm 7 tháng.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp: đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi: đủ

- Hướng dẫn chính: 10 HVCH đã nhận bằng thạc sĩ.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ nhiệm và nghiệm thu 01 nhiệm vụ KH&CN loại B cấp ĐHQG-HCM (tương đương cấp Bộ) căn cứ theo **Khoản 1, Mục (e) tại Điều 20** Quyết định số **26/2014/QĐ-TTg** ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

- Đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng Tiến sĩ.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là hoàn toàn đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

An Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Phan Trường Khanh